

名古屋市営バス 中川営業所 所属車両リスト																																					
局番	車台形式	購入年月	配置営業所																									局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考		
			H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4	H28.4	H28.8	H29.4	H30.1	H30.3	H31.3	R2.4	R3.4	R4.4	R5.1									R6.4	R7.3
NH-188	PDG-KV234N2	H19 12	中川																									NH-188	2038	Jbus	AT	○					
NH-190	PDG-KV234N2	H19 12	中川																									NH-190	2058	Jbus	AT	○					
NH-192	PDG-KV234N2	H20 1-3	中川																									NH-192	2074	Jbus	AT	○					
NH-193	PDG-KV234N2	H20 1-3	中川																									NH-193	2075	Jbus	AT	○					
NH-194	PDG-KV234N2	H20 1-3	中川																									NH-194	2103	Jbus	AT	○					
NH-195	PDG-KV234N2	H20 1-3	中川																									NH-195	2104	Jbus	AT	○					
NH-197	PDG-KV234N2	H20 1-3	中川																									NH-197	2106	Jbus	AT	○					
NH-210	PDG-KV234N2	H19 12	鳴尾												中川													NH-210	2063	Jbus	AT	○					
NH-211	PDG-KV234N2	H20 1-3	鳴尾												中川													NH-211	2084	Jbus	AT	○					
NH-226	PDG-KV234N2	H19 12	御器所												中川													NH-226	2068	Jbus	AT	○					
NH-233	PKG-KV234N2	H22 1-3	新製	中川																								NH-233	2608	Jbus	MT	○					
NH-235	PKG-KV234N2	H22 1-3	新製	中川																								NH-235	2664	Jbus	MT	○					
NH-236	PKG-KV234N2	H22 1-3	新製	中川																								NH-236	2665	Jbus	MT	○					
NH-237	PKG-KV234N2	H22 1-3	新製	中川																								NH-237	2669	Jbus	MT	○					
NH-238	PKG-KV234N2	H22 1-3	新製	中川																								NH-238	2678	Jbus	MT	○					
NH-278	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製	中川																								NH-278	2846	Jbus	MT	○	○				
NH-279	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製	中川																								NH-279	2847	Jbus	MT	○	○				
NH-280	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製	中川																								NH-280	2866	Jbus	MT	○	○				
NH-281	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製	中川																								NH-281	2867	Jbus	MT	○	○				
NH-282	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製	中川																								NH-282	2871	Jbus	MT	○	○				
NH-283	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製	中川																								NH-283	2872	Jbus	MT	○	○				
NH-284	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製	中川																								NH-284	2879	Jbus	MT	○	○				
NH-285	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製	中川																								NH-285	2880	Jbus	MT	○	○				
NH-286	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製	中川																								NH-286	2888	Jbus	MT	○	○				
NH-287	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製	中川																								NH-287	2889	Jbus	MT	○	○				
NH-288	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製	中川																								NH-288	2894	Jbus	MT	○	○				
NH-289	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製	中川																								NH-289	2895	Jbus	MT	○	○				
NH-290	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製	中川																								NH-290	2898	Jbus	MT	○	○			貸切(H30~)	
NH-291	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製	中川																								NH-291	2899	Jbus	MT	○	○				
NH-297	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製	鳴尾												中川													NH-297	2885	Jbus	MT	○	○			
NH-298	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製	鳴尾												中川													NH-298	2886	Jbus	MT	○	○			
NMH-9	PDG-KR234J2	H23 2-3	新製	中川																								NMH-9	2950	Jbus	AT	○					
NMH-10	PDG-KR234J2	H23 2-3	新製	稲西																								中川	NMH-10	2928	Jbus	AT	○				
NF-72	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製	中川																								NF-72	2407	MBM	MT	○				お絵かきバス(R5.10)	

局番	車台形式	購入年月	配置営業所																			局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考		
			H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4	H28.4	H28.8	H29.4	H30.1									H30.3	H31.3
NF-73	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製	中川																			NF-73	2408	MBM	MT	○				
NF-74	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製	中川																			NF-74	2421	MBM	MT	○				
NF-75	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製	中川																			NF-75	2422	MBM	MT	○				
NF-76	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製	中川																			NF-76	2446	MBM	MT	○				
NF-77	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製	中川																			NF-77	2447	MBM	MT	○				
NF-78	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製	中川																			NF-78	2462	MBM	MT	○				
NF-79	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製	中川																			NF-79	2463	MBM	MT	○				
NF-80	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製	中川																			NF-80	2474	MBM	MT	○				
NF-81	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製	鳴尾									中川										NF-81	2409	MBM	MT	○				
NF-82	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製	鳴尾									中川										NF-82	2410	MBM	MT	○				
NF-83	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製	鳴尾									中川										NF-83	2434	MBM	MT	○				
NF-84	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製	鳴尾									中川										NF-84	2435	MBM	MT	○				
NF-504	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製	中川																			NF-504	4683	MBM	AT	○	○			
NF-505	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製	中川																			NF-505	4688	MBM	AT	○	○			
NF-506	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製	中川																			NF-506	4714	MBM	AT	○	○			
NF-507	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製	中川																			NF-507	4734	MBM	AT	○	○			
NF-508	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製	中川																			NF-508	4740	MBM	AT	○	○			
NF-509	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製	中川																			NF-509	4753	MBM	AT	○	○			
NF-510	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製	中川																			NF-510	4766	MBM	AT	○	○			
NF-511	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製	中川																			NF-511	4773	MBM	AT	○	○			
NF-512	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製	中川																			NF-512	4781	MBM	AT	○	○			
NF-513	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製	中川																			NF-513	4789	MBM	AT	○	○			
NF-514	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製	中川																			NF-514	4795	MBM	AT	○	○			
NF-515	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製	中川																			NF-515	4812	MBM	AT	○	○			
NF-516	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製	中川																			NF-516	4814	MBM	AT	○	○			
NF-517	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製	中川																			NF-517	4824	MBM	AT	○	○			
NF-518	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製	中川																			NF-518	4835	MBM	AT	○	○			
NF-600	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製	中川																			NF-600	4904	MBM	AT	○	○			
NF-601	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製	中川																			NF-601	4912	MBM	AT	○	○			
NF-602	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製	中川																			NF-602	4926	MBM	AT	○	○			
NF-603	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製	中川																			NF-603	4941	MBM	AT	○	○			
NF-604	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製	中川																			NF-604	4948	MBM	AT	○	○			
NF-605	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製	中川																			NF-605	4957	MBM	AT	○	○			
NF-606	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製	中川																			NF-606	4972	MBM	AT	○	○			
NF-607	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製	中川																			NF-607	4985	MBM	AT	○	○			

局番	車台形式	購入年月	配置営業所																									局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考	
			H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4	H28.4	H28.8	H29.4	H30.1	H30.3	H31.3	R2.4	R3.4	R4.4	R5.1									R6.4
NF-608	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																									中川	NF-608	4998	MBM	AT	○	○		
NF-609	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																									中川	NF-609	5011	MBM	AT	○	○		
NF-610	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																									中川	NF-610	5017	MBM	AT	○	○		
NF-611	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																									中川	NF-611	5028	MBM	AT	○	○		
NF-612	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																									中川	NF-612	5034	MBM	AT	○	○		
NF-613	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																									中川	NF-613	5050	MBM	AT	○	○		
NF-614	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																									中川	NF-614	5055	MBM	AT	○	○		
NF-615	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																									中川	NF-615	5062	MBM	AT	○	○		
NS-98	PDG-LV234N2	H20 1-3	中川																									NS-98	2116	Jbus	AT	○				
NS-99	PDG-LV234N2	H20 1-3	中川																									NS-99	2138	Jbus	AT	○				
NS-102	PDG-LV234N2	H20 1-3	中川							鳴尾							中川											NS-102	2159	Jbus	AT	○				
NS-105	PDG-LV234N2	H20 1-3	中川																									NS-105	2182	Jbus	AT	○				
NS-106	PDG-LV234N2	H20 1-3	中川																									NS-106	2183	Jbus	AT	○				
NS-130	PDG-LV234N2	H20 1-3	野並										稲西										中川					NS-130	2187	Jbus	AT	○				
NS-172	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製		中川																							NS-172	2333	Jbus	MT	○				
NS-174	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製		中川																							NS-174	2350	Jbus	MT	○				
NS-175	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製		中川																							NS-175	2364	Jbus	MT	○				
NS-176	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製		中川																							NS-176	2365	Jbus	MT	○				
NS-177	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製		中川																							NS-177	2382	Jbus	MT	○				
NS-240	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製										中川															NS-240	3050	Jbus	MT	○	○		LED灯具試験車	
NS-241	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製										中川															NS-241	3059	Jbus	MT	○	○			
NS-242	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製										中川															NS-242	3060	Jbus	MT	○	○			
NS-243	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製										中川															NS-243	3087	Jbus	MT	○	○			
NS-244	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製										中川															NS-244	3088	Jbus	MT	○	○			
NS-247	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製										稲西										中川					NS-247	3061	Jbus	MT	○	○			
NS-270	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製										野並										中川					NS-270	3056	Jbus	MT	○	○			
NS-373	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製															中川										NS-373	4055	Jbus	AT	○	○			
NS-374	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製															中川										NS-374	4056	Jbus	AT	○	○			
NS-375	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製															中川										NS-375	4084	Jbus	AT	○	○			
NS-376	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製															中川										NS-376	4085	Jbus	AT	○	○			
NS-377	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製															中川										NS-377	4091	Jbus	AT	○	○			
NS-378	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製															中川										NS-378	4093	Jbus	AT	○	○			
NS-410	2RG-LV290N3	R3 7	新製															中川										NS-410	4417	Jbus	AT	○	○		※配置はR3年7月	
NS-417	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製															中川										NS-417	4458	Jbus	AT	○	○			
NMS-58	PDG-LR234J2	H22 1-3	新製		中川																							NMS-58	2725	Jbus	AT	○				

局番	車台形式	購入年月	配置営業所																			局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考	
			H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4	H28.4	H28.8	H29.4	H30.1									H30.3
NMS-59	PDG-LR234J2	H22 1-3	新製			中川																NMS-59	2746	Jbus	AT	○				
NMS-134	2KG-LR290J4	R1 12	新製												中川							NMS-134	4186	Jbus	AMT	○	○			
NMS-135	2KG-LR290J4	R1 12	新製												中川							NMS-135	4187	Jbus	AMT	○	○			
NMS-136	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製												中川							NMS-136	4215	Jbus	AMT	○	○			
NMS-137	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製												中川							NMS-137	4216	Jbus	AMT	○	○			
NMS-138	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製												中川							NMS-138	4230	Jbus	AMT	○	○			
NMS-141	2KG-LR290J4	R1 12	新製												大森 ※中川							NMS-141	4185	Jbus	AMT	○	○			
NMS-168	2KG-LR290J4	R3 2-3	新製												中川							NMS-168	4340	Jbus	AT	○	○			
NMS-169	2KG-LR290J4	R3 2-3	新製												中川							NMS-169	4356	Jbus	AT	○	○			
NMS-170	2KG-LR290J4	R3 2-3	新製												中川							NMS-170	4357	Jbus	AT	○	○			